

ĐẠO TIN LÀNH Ở ĐÔNG BẮC Á: NHỮNG KỊCH BẢN GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT VỚI VĂN HÓA BẢN ĐỊA

ĐỖ QUANG HÙNG*

1. Kỷ nguyên truyền giáo và cộng đồng Tin lành ở Đông Bắc Á

1.1. Lịch sử và phương thức truyền giáo

Khác với lịch sử truyền giáo của Công giáo La Mã có trung tâm truyền giáo là Tây Âu, lịch sử truyền giáo Tin lành có trung tâm truyền giáo thay đổi, trung tâm đó từ cuối thế kỷ XVII là Châu Âu, nhưng

rất nhanh chóng chuyển về Bắc Mỹ⁽¹⁾.

Cuốn sách quan trọng nhất về các hội truyền giáo Tin lành Bắc Mỹ là *North American Protestant Ministries Overseas* (của tác giả Herbert Kane, Illinois, Mỹ, 1973)⁽²⁾. Ta có thể so sánh đặc điểm lịch sử truyền giáo Tin lành ở khu vực bờ Đại Tây Dương dưới đây:

Bảng 1: So sánh đặc tính truyền giáo Tin lành

Hội Truyền giáo Tin lành Tây Âu (J. Bauberot)	Hội Truyền giáo Tin lành Bắc Mỹ (Herbert Kane)
- Các hội truyền giáo chủ yếu là “sáng kiến của nhóm tư nhân” (Âu Châu); - Ở Bắc Mỹ các hệ phái lập ra các “Hội đồng truyền giáo” riêng; - Tính đa nguyên quyết định chiều hướng của “Tin lành bản địa” (chống “Chủ nghĩa Giáo đoàn” của Châu Âu); - Thuyết Ba C: “Christ, Commerce; Civilisation”; - Vai trò ngày càng lớn của Bắc Mỹ; - Tiếc rằng, Bauberot không nói đến: Vì sao Tin lành Pháp và Châu Âu lại thất bại ở Đông Bắc Á.	- Từ Ấn Độ, Trung Đông qua Đông Bắc Á; - Sự kết hợp của các hệ phái Tin lành Mỹ và Canada; - Ở thập kỷ 70: Hội Truyền giáo hải ngoại Bắc Mỹ chiếm hơn 70% năng lực ảnh hưởng; - Bốn công tác liên hoàn: Giảng Kinh Thánh, lập nhà thờ, dịch Kinh Thánh ra tiếng bản địa và đào tạo chức sắc; - Hai nhiệm vụ bổ trợ: Giáo dục (Hệ thống các trường Cao đẳng và Đại học) và Y tế (Medical missions); - Khẩu hiệu: “Cây Thánh giá theo sau quốc kỳ” (của Châu Âu) bị xóa bỏ; - Lý thuyết: Phúc âm Chiều sâu (Evangelism in Depth); Phát triển Giáo hội (Church Growth) và Giáo dục Thần học (Theological Education in Extension); - Liên kết tận dụng “Cơ đốc Châu Âu” (Christian Europe).

Theo Bauberot, nước Mỹ dần thay thế nước Anh trong truyền giáo từ điều kiện vật chất kỹ thuật đến nhân sự. Đến những năm 1960, nước Mỹ đã có thể cung cấp khoảng 2/3 nhu cầu truyền giáo toàn cầu. Từ cuối thế kỷ XIX, khi truyền giáo Tin lành bắt đầu ở Châu Á thì cũng là lúc có các phong trào *Tái*

hiện đại hóa (bắt đầu từ sự xuất hiện

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) J. Bauberot, *Lịch sử đạo Tin lành*, bản dịch từ tiếng Pháp của Trần Sa, tr. 169-170.

(2) Xem: Herbert Kane, (1973), *North American Protestant Ministries Overseas*, Illinois. Tác giả là thành viên của Hội truyền giáo; Trường truyền giáo thế giới; Trường Thánh Tin lành ba ngôi (School of Mission, Trinity Evangelical Divinity School).

của *Tin lành Ngũ tuần*, 1901) và phong trào *Thức tỉnh* (réveil). Vì thế, các nhà truyền giáo thường có những cá tính đặc biệt, năng động.

Nhìn chung, đến nửa đầu thế kỷ XIX, ngoại trừ vùng lãnh thổ Đài Loan với sự có mặt của Tin lành qua các nhà truyền giáo Hà Lan từ 1624, Đạo Tin lành thực sự đã có mặt trong khu vực Đông Bắc Á.

Cuốn sách nói trên của J. Herbert Kane được tái bản nhiều lần trong thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Tác giả cho biết: “Hiện nay, Bắc Mỹ chiếm 70% nhà truyền giáo Tin lành trên thế giới và thậm chí, xét về tầm ảnh hưởng hoạt động trên toàn thế giới, tỷ lệ này còn cao hơn. Sau hai thế kỷ truyền giáo tới Ấn Độ, lịch sử lâu dài của Hội Truyền giáo hải ngoại bắt đầu năm 1810 khi bốn thanh niên trẻ từ Andover Seminary đề nghị được phục vụ cho “những đức cha tôn kính” (reverend Fathers) tập hợp lại trong Tổng Giáo đoàn (General Association of the Congregation Minister) ở Bradford, Mass. Những nhà truyền giáo đầu tiên của American Board of Commissioners về truyền giáo ra nước ngoài đã đến Ấn Độ bằng đường thủy năm 1812, theo sau họ là một nhóm tương tự đến Trung Đông năm 1819. Các giáo phái khác (denomination) tiếp tục những hoạt động đó, cho đến nay thì tất cả các giáo phái ở Mỹ và Canada đều có các Hội Truyền giáo của họ ở nước ngoài”⁽³⁾.

Về đặc điểm “chính trị” truyền giáo, tác giả sách này nhấn mạnh, với Tin lành Tây Âu, *cây thánh giá thường đi*

sau lá cờ (the cross often followed by the flag), việc truyền đạo ít nhiều cũng dính đến chủ nghĩa thực dân. Với các dòng truyền giáo Bắc Mỹ, người truyền đạo khéo léo không giương cao bất cứ lá quốc kỳ nào khi đến với mọi vùng đất trên thế giới. Ở Mỹ Latinh, thậm chí họ là các giáo sĩ đơn độc. Điều đó cũng tương tự như ở Đông Dương và Philippin. Ở các nước khác, như Myanmar, Thái Lan, Malaysia và Hàn Quốc, họ còn là những lực lượng chính trị tinh thần kích thích phong trào giải phóng dân tộc.

Có ba sự kiện thần học và phương pháp truyền giáo thành công trong giới truyền giáo Bắc Mỹ đến giữa thế kỷ XX, cả trong việc thúc đẩy sự truyền bá Phúc Âm (Evangelism) và xây dựng các hội Thánh. Đó là Thuyết Phúc Âm chiều sâu (*Evangelism in Depth*), Phát triển Giáo hội (*Church Growth*) và Sự mở rộng giáo dục Thần học (*Theological Education in Extension*).

Mặc dù có những nỗ lực như vậy, nhưng đạo Tin lành cũng giống như Công giáo cho tới giữa thế kỷ XX vẫn chỉ có những kết quả truyền giáo hết sức khiêm tốn.

1.2. Những đặc điểm lịch sử của cộng đồng Tin lành ở Đông Bắc Á

Cho đến cuối thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu Âu – Mỹ thường có một nhận định chung là: “*Cộng đồng Kitô giáo Châu Á chiếm một vị trí thiểu số*

⁽³⁾ Xem: Herbert Kane (1973), *North American Protestant Ministries Overseas*, Illinois, p. 15.

trong một châu lục đông dân cư nhất”. Tiêu biểu cho nhận định ấy là ý kiến của hai nhà nghiên cứu Pháp tên tuổi Claude Prudhomme và Jean – Francois Zorn. Trong bộ *Lịch sử Kitô giáo thế giới* cực kỳ đồ sộ, họ đã viết: “Trong một khu vực thực sự rộng lớn hình tam giác, một đỉnh từ Nam lục địa Ấn Độ, một đỉnh là quốc đảo Nhật Bản và đỉnh thứ ba là Châu Úc, ở vào thời điểm cuối thế kỉ XIX thì ở đó đã là nơi cư trú của 3/5 dân số nhân loại. Đối lập với dân số đông nhất là vị trí

thiểu số, đôi khi nhỏ bé của đạo Kitô, trừ Philippin (95%) và Hàn Quốc (20-30%). Thời kỳ cuộc bành trướng đầu tiên của Châu Âu thế kỷ XVI – XVII cũng như thế kỷ XIX-XX, nền văn minh Châu Á dường như “cứng đầu” và đứng vững với sứ mệnh của đạo Kitô”⁽⁴⁾.

Từ những đặc điểm lịch sử như thế, chúng tôi đưa ra ba nhận định sau đây về cộng đồng Kitô giáo ở khu vực này để tiếp cận với việc giải quyết xung đột giữa văn hóa bản địa và Tin lành.

Bảng 2: Ba nhận định về cộng đồng Kitô giáo ở Châu Á và Đông Bắc Á

Nhận định 1	Nhận định 2	Nhận định 3
Cộng đồng thiểu số nhỏ bé, mỏng manh, nhưng ngày càng có tầm quan trọng với thế giới Kitô giáo (trừ Philippin): + Vị trí đặc biệt của Kitô giáo ở Trung Quốc và Việt Nam; + Vai trò đặc biệt của Tin lành Hàn Quốc.	“Chiến thắng sự nghi ngờ” (Vaincre la suspircion) với tôn giáo ngoại nhập” – C. Prudhomme et J. F. Zorn: + Khắc phục tình trạng “bên lề”, “biệt lập”, “tế bào hóa”; + Ở Trung Quốc “Tin lành trong giới ưu tú” (<i>Protestantisme parmi des élites</i>).	Đứng giữa “di sản phương Tây”, tiếp biến văn hóa (Acculturation) và tính hiện đại (Modernité): + Những thách đố cơ bản với Kitô hữu ở Châu Á; + Cái chung và cái riêng giữa Công giáo và Tin lành.

Có ba nhận xét đáng chú ý trong những nhận định trên:

- *Các cộng đồng thiểu số mỏng manh và dễ vỡ, nhưng lại có tầm quan trọng đáng kể.* Nhìn bề ngoài, có vẻ như sự bất lực của Kitô giáo trong việc truyền giáo là rõ ràng trong quốc gia lớn tại Châu Á, trừ Philippin. Do các cộng đồng Kitô giáo có tính *biệt lập* hay *ngoài lề* (marginales) mà Alain Forest đưa ra một hình ảnh “tế bào hóa” (l’encellulement) để miêu tả những *cộng đồng thiểu số đã*

đạt được một kích thước đủ để sản sinh, nhưng sống một cách khép mình⁽⁵⁾.

- *Nhà nước và Giáo hội Châu Á từ bán đảo Ấn Độ đến Đông Á (trừ Philippin): Chiến thắng “sự nghi ngờ” đối với một tôn giáo ngoại nhập.* Nhìn chung, sự truyền giáo Tin lành cũng như Công giáo ở khu vực Đông Bắc Á (dĩ nhiên có

⁽⁴⁾ Xem: *Lịch sử Kitô giáo* (2004), (Tiếng Pháp), tập 13, Paris, tr. 657.

⁽⁵⁾ *Sđd*, tr. 661.

cả Việt Nam, vì về địa văn hóa, Việt Nam thuộc khu vực này) thường vấp phải hai trở lực. Thứ nhất là tâm lý lo ngại sự xâm lăng về văn hóa của các nước phương Tây. Nhà cầm quyền và giới trí thức tại các quốc gia đương thời đều có chung tâm lý lo sợ văn hóa truyền thống vốn hình thành từ hàng nghìn năm tại những khu vực này bị xâm hại và mai một trước một tôn giáo đại diện cho văn hóa phương Tây. Thứ hai là tâm lý lo sợ mất an ninh do chỗ các thế lực truyền bá đạo Tin lành đều ít nhiều gắn với các thế lực thực dân, đe dọa chủ quyền dân tộc (ít nhất trong những bộ phận trí thức và người cầm quyền).

Mặc dù vậy, cùng với sự tiến triển chính trị ở khu vực Đông Bắc Á trong việc giải thể của chủ nghĩa thực dân (trừ Nhật Bản), các nhà nước trong khu vực đã dần dần “chiến thắng được sự nghi ngờ” với Kitô giáo, dù mức độ có khác nhau trong ứng xử với Công giáo hoặc Tin lành, tùy theo điều kiện chính trị và truyền thống văn hóa của mỗi nước.

• *Sự khác nhau trong “số phận lịch sử” của Công giáo và Tin lành.* Nhìn một cách đại thể, việc “chiến thắng được sự nghi ngờ” có sự khác biệt lớn giữa Công giáo và Tin lành. Với Công giáo, sự dính líu với chủ nghĩa thực dân ở hầu hết các khu vực truyền giáo là hết sức rõ ràng, cộng đồng Công giáo phải mất rất nhiều nỗ lực để khắc phục “cái tình cờ đau đớn” ấy để trở về với dân tộc. Với Tin lành truyền giáo dù sao cũng nhẹ nhàng hơn do đạo Tin lành

vốn có “thân phận thiểu số” và dấu ấn truyền giáo đậm nét nhất chỉ ở lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, tư tưởng... Mặt khác, ở một số quốc gia Đông Bắc Á như ở Hàn Quốc, đạo Tin lành còn là một hệ ý thức, một ngọn cờ mà phong trào dân tộc đã tận dụng.

2. “Hình thái mới” của thế giới Tin lành

Từ giữa thế kỷ XX đến nay, thế giới Kitô giáo đã có những biến động to lớn. Trong kỷ nguyên *Hậu Kitô giáo*, Công giáo trong các xã hội Âu - Mỹ tiếp tục có những suy thoái về nhiều mặt. Trong khi đó, thế giới Tin lành lại “hồi phục”, có sự tăng trưởng về số lượng và hiệu quả; các dòng truyền giáo từ Bắc Mỹ đã quay ngược trở lại chính Châu Âu và phát triển mạnh mẽ ở các châu lục khác. Tuy vậy, nhìn chung về mặt địa tôn giáo, đã có sự đảo lộn trên toàn cầu. Nhiều nhà nghiên cứu gọi sự đảo lộn đó là “hình thái mới” của thế giới Kitô giáo hôm nay.

2.1. Địa - Kitô giáo và địa - Tin lành hiện nay

Một nghiên cứu mới đây của tổ chức *Diễn đàn Pew* đã cho thấy điều đó. Chương trình mang tên *Global Christianity* (Kitô giáo toàn cầu) nghiên cứu nhân khẩu học tôn giáo toàn diện của hơn 200 quốc gia và được công bố cuối năm 2011⁽⁶⁾. Chương trình này đã cung cấp

⁽⁶⁾ Xem: *A Report on the Size and Distribution of the World's Christian Population*, Analysis, December, 19, 2011. <http://www.pewforum.org/Christian/Global-Christianity-exec.aspx>.

cho chúng ta rất nhiều thông tin quý báu mà nhờ đó người ta có thêm những nhận định mới, trước hết là sự nhìn nhận về một “Hình thái mới” của Kitô giáo thế giới hiện nay. Cái nhìn tổng quan ấy được phản ánh trong bảng dưới đây của

chúng tôi, trên cơ sở những số liệu của chương trình *Global Christianity* nói trên và những số liệu trong cuốn sách *The New Shape of World Christianity*⁷ (Hình thái mới của thế giới Kitô giáo), một cuốn sách rất có giá trị tham khảo:

Bảng 3: Địa Kitô giáo trên toàn cầu hiện nay

- Kitô giáo “lan ra khỏi các nguồn gốc lịch sử của nó (gốc Trung Đông – Bắc Phi chỉ còn 4%; Indonesia lại có số Kitô hữu hơn 20 nước ở vùng Trung Đông – Bắc Phi; Brazil có hơn gấp đôi người Catholic của Italia; 90% người Kitô giáo ở các nước mà người Kitô giáo là đa số, còn lại là thiểu số).
- Đảo lộn của sự phân bố toàn cầu người Kitô giáo:
 - + Bán cầu Nam: Hơn 1,3 tỷ người Kitô giáo (61%) so với 860 triệu ở bán cầu Bắc (39%).
 - + Bán cầu Bắc: Người Kitô giáo chiếm 69% dân số, trong khi đó ở Bán cầu Nam người Kitô giáo chỉ chiếm 24%.
- Cấu trúc bên trong của Tin lành cũng thay đổi: 279 triệu người Tin lành Ngũ Tuần; 305 triệu là Tin lành Linh Ân (Charismatic), trong đó chủ yếu là Tin lành Phúc Âm.
- Những biểu hiện mới của Kitô giáo:
 - + Những phương cách nhận thức mới về Chúa Jesus Kitô.
 - + “Chứng đạo độc lập” (Không kết giao với nhà thờ = Un Church).
 - + Những đặc thù của Tin lành Á Châu (Hàn Quốc).
 - + Những thay đổi trong thực hành tôn giáo (đặc biệt là các hệ phái thuộc “thế giới Ngũ Tuần”).

Sự phân bố của Kitô hữu hiển nhiên là không thể rải đều; bởi vì có nơi đông, có nơi thưa thớt. Kitô hữu thường là những cộng đồng thiểu số, chỉ có vài nơi trên thế giới có những cộng đồng lớn; dù vậy không đáng kể so với dân cư trong cùng địa bàn.

Điều đáng chú ý hiện nay ở nhiều quốc gia là, các cộng đồng dân tộc thường có quan hệ thân thiện hơn với Kitô hữu. Cũng có nhận xét rằng, cộng đồng người Kitô giáo ở Á Châu lại

thường xa cách cộng đồng Kitô hữu hơn các châu khác, có thể vì hai lý do sau: i) Kitô hữu là cộng đồng thiểu số so với cộng đồng lớn thuộc tín hữu Phật giáo, Ấn giáo và Hồi giáo; ii) Số giáo sĩ Kitô được sai đến các vùng này ít hơn so với những vùng khác trên thế giới⁽⁸⁾.

⁽⁷⁾ Mark A. Noll (2009), *The New Shape of World Christianity*, Academic, Illinois.

⁽⁸⁾ Mục sư Lê Văn Thiện (2012), *Tư liệu về truyền giáo Tin lành hiện đại*, Tác giả đã cho chúng tôi tham khảo tập tư liệu quý báu này.

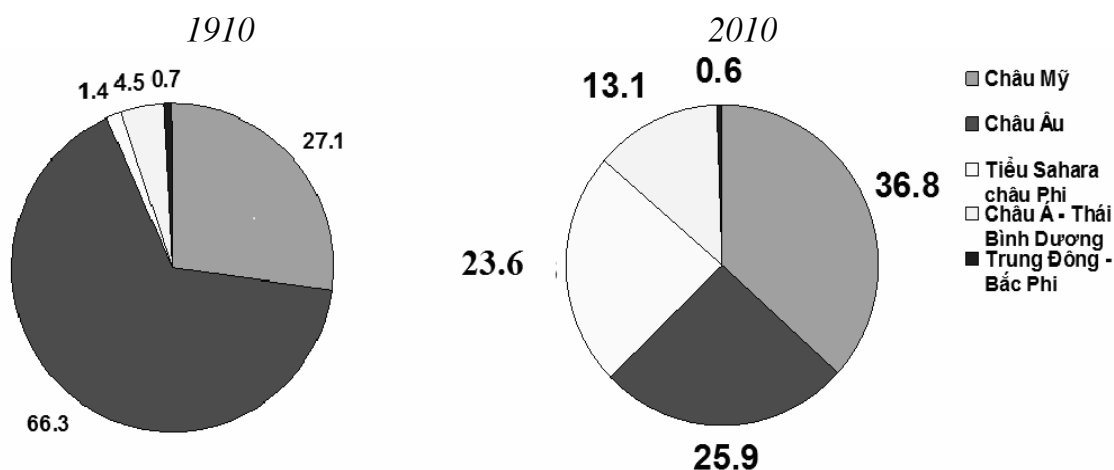
Từ những kết quả khảo sát trên đây, có thể rút ra một số nhận định cụ thể sau về “hình thái mới” của thế giới Kitô giáo hiện nay, nói cách khác về những đặc điểm mới của Kitô giáo trên phạm vi toàn cầu.

2.2. Kitô giáo và sự lan xa khỏi nguồn gốc lịch sử của nó

Năm 1910, khoảng hai phần ba người Kitô giáo của thế giới sống ở Châu Âu,

nơi mà số đông người Kitô giáo đã có ở đây một thiên niên kỷ. Ngày nay, chỉ khoảng một phần tư của toàn bộ người Kitô giáo sống ở Châu Âu (26%). Một đa số - hơn một phần ba – hiện sống ở Châu Mỹ (37%). Cứ khoảng một trong bốn mươi người Kitô giáo lại sống ở Tiểu – Sahara Châu Phi (24%), và khoảng một trong tám người Kitô giáo lại sống ở Châu Á và Thái Bình Dương (13%).

Biểu đồ 4: Sự phân bố theo vùng của người Kitô giáo⁹



Kitô giáo ngày nay – không như một thế kỷ trước – thực sự là một tín ngưỡng toàn cầu. (Xem các bản đồ dân số người Kitô giáo theo tỷ lệ ở năm 1910 và 2010)⁽¹⁰⁾.

Điều quan trọng có thể rút ra là: Tầm quan trọng của Kitô giáo đã và đang có sự thay đổi ít nhất về mặt địa tôn giáo, đó là “sự chuyển trọng tâm” từ các xã hội Âu – Mỹ (bán cầu Bắc) dần xuống các khu vực “đất ngoại” (bán cầu Nam).

Bản thân “cấu trúc bên trong” của Tin

lành cũng thay đổi. Cũng dựa trên những số liệu công bố của *Pew Forum*, chúng ta có thể thấy được hiện tượng mới, mà các nhà xã hội học tôn giáo gọi là “tái cấu trúc bên trong” của các tôn giáo trong toàn cầu hóa. Dưới đây là sự “tái cấu trúc bên trong” của thế giới Tin lành.

⁽⁹⁾ Xem: A. Report on the Size and Distribution of the World's Christian Population, tư liệu đã dẫn.

⁽¹⁰⁾ Global Christianity, A. Report on the Size and Distribution of the World's Christian Population, Analysis, December 19, 2011.

Bảng 4: Cơ cấu các hệ phái chính của thế giới Tin lành hiện nay

Hệ phái	Số lượng ước tính	Tỷ lệ phần trăm của tổng dân số thế giới	Tỷ lệ phần trăm của dân số Tin lành thế giới
<i>Ngũ tuần</i> (Pentecostal)	279.080.000	4.0%	12.8%
<i>Linh ân</i> (Charismatic)	304.990.000	4.4	14.0
<i>Ngũ tuần & Linh ân pha trộn</i>	584.080.000	8.5	26.7
<i>Phúc âm</i> (Evangelical)	285.480.000	4.1	13.1

Nguồn: Diễn đàn về Tôn giáo và Dân sinh của Trung tâm nghiên cứu Pew Forum – Kitô giáo Toàn cầu, tháng 12 - 2011.

Bảng thống kê trên cho thấy nếu như những thập kỷ trước đây, Tin lành Ngũ Tuần có sự phát triển đột biến, thì gần đây nhóm Tin lành Linh Ân đã có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Đồng thời chúng ta cũng thấy có sự pha trộn của hai hệ phái này. Nhóm Tin lành Phúc Âm dường như tiếp tục bị “thu hẹp” so với hai hệ phái trên.

2.3. Đã có một “hình thái mới” (the new shape) của Tin lành thế giới hiện nay

Trong sự biến động to lớn của thế giới Kitô giáo nói chung, thì thế giới Tin lành đã có một “hình thái mới” rõ nét hơn. Theo ý kiến của Mark A. Noll, “hình thái mới”⁽¹¹⁾ của thế giới Tin lành được xác định bởi những yếu tố sau đây:

- Sự phân chia lại về địa lý truyền giáo

và phân bố nhân khẩu học Kitô giáo trong 50 năm gần đây nhiều hơn bất kỳ thời kỳ nào khác trong lịch sử của nó, ngoại trừ những đầu tiên trong lịch sử giáo hội.

• Đã có sự thay đổi về hướng truyền giáo, nguồn lực truyền giáo. Cụ thể là, sự truyền bá Phúc Âm ngày nay phần lớn từ các khu vực Châu Á, Châu Phi, Mỹ Latinh và các vùng đảo tại Nam Thái Bình Dương; song song với quá trình suy giảm chưa từng có của các dòng truyền giáo từ Châu Âu.

Bản thân chúng tôi trong một nghiên cứu gần đây về các dòng truyền giáo thuộc Công giáo cũng có nhận xét rằng,

⁽¹¹⁾ Mark A. Noll, *The New Shape of World Christianity*, Academic, Illinois p. 19-20.

đã xuất hiện hiện tượng *truyền giáo ngược*, ngay từ Việt Nam qua các khu vực khác.

- Dường như đã xuất hiện giai đoạn mà biểu trưng “Kitô giáo – văn minh Châu Âu” đã biến đổi thành “Kitô giáo của những lục địa khác”.

Tác động của sự biến đổi dân số - đối với thế giới nói chung, với các giáo hội nói riêng – là những thực tế gây sững sờ: hơn 1/2 trong tổng số các tín đồ Tin lành trong toàn bộ lịch sử các Hội Thánh lại sinh sống vào một thế kỷ trở lại đây. Theo Dana Robert, người đã tổng kết sự liên quan về nhân khẩu học Tin lành bằng lời tuyên bố: “Tính chất đặc thù của đạo Tin lành vào cuối thế kỷ XX không còn là người đàn ông Châu Âu mà là người phụ nữ Mỹ Latinh hay Châu Phi”⁽¹²⁾.

Có thể làm rõ thêm những suy nghĩ của Mark A. Noll về “hình thái mới” này của thế giới Tin lành của những nhà nghiên cứu khác theo hướng đi tìm “*Những biểu hiện mới của Kitô giáo*”.

Biểu hiện rất phổ biến của những “hình thái mới” của thế giới Kitô giáo hôm nay là sự biến đổi sâu sắc về thực hành nghi lễ theo hướng không theo những chuẩn mực truyền thống.

Trong khi các Kitô hữu Hàn Quốc ngày nay thực hiện đầy đủ nghi lễ thờ cúng tổ tiên, thì ở Thượng Hải, “các thành viên của nhà thờ Local, hay Little Flock, những người đã suy giảm niềm tin vào mục sư thuộc Watchman Nee, đã

cùng xung tội với nhau về những tội lỗi đã mắc phải”.

Nói tóm lại, với “hình thái mới” của thế giới Kitô giáo, đặc biệt ở các khu vực ngoài Âu – Mỹ, một cộng đồng Kitô hữu mới đã và đang hiện diện với những sắc thái vô cùng mới mẻ, báo hiệu những thay đổi to lớn của tôn giáo này. Một nhận xét đáng chú ý của David Aikman về những gì đang diễn ra của sự “bùng phát” Kitô giáo ở Trung Quốc: “Điều đáng chú ý là sự xuất hiện của một Trung Quốc *như là một quốc gia Cơ đốc hóa* sẽ ảnh hưởng đến chính đạo Cơ đốc toàn cầu. Một số người lý luận rằng, nếu dân số Tin lành ở Trung Quốc đã lên đến 70 triệu người, thì điều này có nghĩa là Cơ đốc giáo tại Trung Quốc là cộng đồng Tin lành lớn nhất thế giới. Nếu Trung Quốc giữ một địa vị cường quốc trên thế giới thì cộng đồng Tin lành Trung Quốc cũng có một ảnh hưởng lớn trên thế giới”⁽¹³⁾.

3. Tin lành và văn hóa Đông Bắc Á: Những kinh nghiệm giải quyết xung đột

Công giáo và Tin lành, kể trước người sau đều có những kinh nghiệm của sự thất bại trong truyền giáo, trong

⁽¹²⁾ *Sđd*, tr. 23.

⁽¹³⁾ David Aikman, (2003), *Jesus in Beijing*, Regnery Pucicshing, INC Washington DC. Đoạn trích này trong bản dịch tiếng Việt in nội bộ Hội thánh Tin lành Việt Nam, có tiêu đề *Jesus tại Bắc Kinh*, tr. 316 – 317. Tác giả cuốn sách này là nguyên Trưởng phòng đại diện Tuần báo Time tại Bắc Kinh.

sự hòa giải và chung sống với văn hóa bản địa. Trong rất nhiều nhận xét về điều này, có thể dẫn ở đây ý kiến của David Aikman khi ông cho rằng, sự thất bại của M. Ricci trong cuộc Tranh luận Lễ nghi (Rite Controversy) có những nguyên nhân chủ quan (sự chống đối của các giáo sĩ dòng Đa Minh và Phan Sinh với các giáo sĩ dòng Tên đi tiên phong quá sớm) và khách quan (thái độ của vua Khang Hy), nhưng chắc chắn có lý do ngầm sâu là sự xung đột văn hóa Kitô giáo và văn hóa bản địa.

Ngay với truyền giáo Tin lành ở Trung Quốc từ đầu thế kỷ XIX, qua những nhân vật tiêu biểu như R. Morrison, K. Gutzlaff, W. Milne... thì họ cũng không vượt qua nổi những thách đố ấy từ phía văn hóa bản địa.

Việc khắc phục xung đột với văn hóa bản địa không thể không bắt đầu từ việc “tự túc thần học”, như một căn bản cần thiết cho Đức tin.

Khác với người truyền Đạo Công giáo, người truyền Đạo Tin lành hết sức coi trọng việc dịch Kinh Thánh ra tiếng bản địa từ rất sớm. Thậm chí, họ cũng không có “mặc cảm tự tôn” rằng, Thần học chỉ là vấn đề của Châu Âu, các dân tộc ngoài Châu Âu không thể tự có một nền Thần học.

Theo chúng tôi, khu vực Đông Bắc Á và Nam Á đã có quá trình “*tự túc Thần học*” với những kết quả rõ rệt. Chẳng hạn, Ấn Độ có dòng Thần học Văn hóa (M. Amalados), *Thần học Dalít*; Philippin có *Thần học Tranh đấu*; Hàn Quốc có

Thần học Tiệp dân (Minjung Theology), đặc biệt Nhật Bản có *Thần học con Trâu* (Water Buffalo Theology)... Đặc điểm chung của Thần học Á Châu, dù gốc họ là Công giáo hay Tin lành, đều quan tâm đến “thực trạng đói nghèo” và “hội nhập văn hóa”, hay đúng hơn là muốn diễn tả “ *gương mặt Chúa Giêsu Kitô Châu Á*”.

Trong lịch sử truyền giáo, sự đụng độ của Công giáo với nền văn hóa bản địa chủ yếu là hai vấn đề thần học sau đây.

- Một là, Công giáo độc thần luôn đòi hỏi một sự diễn tả “Thiên Chúa ba ngôi”, “tam vị nhất thể” với quan niệm thần học thánh kinh nhất quán; trong đó điều quan trọng bậc nhất là tính *nhập thể*, “Ngôi Lời đã thành xác phàm”. Khi diễn tả điều này, quan niệm *Trời, Ông Trời* của nền văn minh Trung Hoa lại có nghĩa là một đấng siêu phàm vô nhân xưng. Ông vua chỉ có nghĩa là “con Trời”. Đây là điểm then chốt mà Giáo hội Vatican kết thúc “100 năm cuộc tranh biện lễ nghi”, xóa bỏ những nỗ lực của dòng Tên, với mong muốn “hội nhập văn hóa”.

- Hai là, nghi lễ và lối sống của Công giáo được chuẩn mực theo bộ *Nghi lễ Roma*, mang nặng tính cách Âu Châu và thần học kinh viện. Vì thế, để khắc phục những điều này, Công giáo cũng phải mất vài thế kỷ mới có thể tìm ra sự “hòa giải” với văn hóa Á Châu, văn hóa bản địa nói chung trong Công Đồng Vatican II (1962-1965).

Trong khi đó, với thế giới Tin lành, việc truyền giáo có nhiều điểm thuận lợi

hơn vì Tin lành vốn là tôn giáo của tính hiện đại, của chủ nghĩa tư bản, kinh tế hàng hóa và cách mạng kỹ thuật. Quá trình truyền giáo nói trên đã thấy rõ điều này. Tất nhiên, sự đụng độ của Tin lành với văn hóa bản địa cũng rất quyết liệt như những gì mà Công giáo đã vấp phải.

Bù lại, Đạo Tin lành lại có sức thu hút khá mạnh giới trung lưu trí thức bản địa, như trường hợp dễ thấy ở Trung Quốc. ảnh hưởng của văn hóa Tin lành vì thế cũng có những mặt “thuận lợi” hơn so với ảnh hưởng của văn hóa Công giáo. Cần nói thêm rằng, về mặt Thần học, các học giả Tin lành có những tiến bộ sớm và rõ rệt hơn, chẳng hạn với Paul Tillich (1886-1965), Tin lành đã có cho mình một nền “Thần học về văn hóa”, trong đó có những luận điểm rất quan trọng như “Đấng Christ chiều sâu của văn hóa” hoặc “văn hóa trong bản chất là tôn giáo, còn tôn giáo trong hình thức diễn tả là văn hóa” (*Theology of Culture*, 1959).

Đặc biệt, nhà thần học Richard Niebuhr (1894-1962) trong tác phẩm *Đấng Christ và Văn hóa* (*Christ and Culture*, New York, 1951) đã đi sâu vào vấn đề cơ bản nhất, đó là vấn đề đức tin Kitô giáo và văn hóa. Ông đã mô hình hóa lịch sử mối quan hệ này thành 5 trạng thái tương quan như sau:

- Đấng Christ *đối nghịch* văn hóa,
- Đấng Christ *của* văn hóa,
- Đấng Christ *trên* văn hóa,
- Đấng Christ *tương phản* với văn hóa,

- Đấng Christ *biến đổi* văn hóa.

Rõ ràng đây là một tiến bộ đáng kể góp phần vào việc giải quyết sự đụng độ của Kitô giáo với văn hóa bản địa, điều mà ngày hôm nay người Tin lành vẫn tiếp tục phải suy ngẫm. Trong cuốn sách *Phúc âm & Văn hóa* mới đây, Ms. Lê Văn Thiện có nhận xét rằng: “Hội Thánh Việt Nam phải luôn nhớ bản chất kép này khi Hội Thánh thực hiện công tác hội nhập văn hóa. Nếu Hội Thánh chỉ đưa ra những chi tiết giống nhau và tương đồng giữa Cơ đốc giáo và Khổng giáo, hay Lão giáo hoặc Phật giáo trong phạm vi so sánh, thì sẽ có nguy cơ nhầm lẫn vì đã quên đi tầng lớp nhân dân là thành phần thuộc về nền văn hóa Cộng sản Việt Nam”⁽¹⁴⁾.

4. Tin lành và văn hóa Đông Bắc Á: Kịch bản cho sự hòa giải

Trước hết, chúng tôi muốn so sánh lý thuyết văn hóa của các nhà thần học Tin lành tiêu biểu của thế giới với những nỗ lực thần học của giới trí thức Tin lành Việt Nam, để qua đó có thể rút ra “kịch bản của sự hòa giải”. Riêng đối với Việt Nam, chúng tôi lựa chọn trước hết Mục sư Lê Hoàng Phu, có thể coi là người đi tiên phong trong lĩnh vực này, từ giữa thập kỷ 70 (thế kỷ XX) khi ông bảo vệ Luận án Tiến sĩ về lịch sử Tin lành Việt Nam ở Mỹ.

⁽¹⁴⁾ Ms. Lê Văn Thiện (2010). *Phúc âm và văn hóa*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 297.

Bảng 5: Những đường hướng Thần học và văn hóa

Đường hướng		
Paul Tillich	R. Niebuhr (1894-1962)	Lê Hoàng Phu
- “Trên biên giới giữa tôn giáo và văn hóa” (1936): + Tôn giáo là bản chất của văn hóa, + Văn hóa là hình thức của tôn giáo. - Thần học văn hóa (Theology of Culture, 1959): + Những phương cách mà trong đó Kitô giáo liên hệ với văn hóa trần tục, + Những chiều kích của “Thần học văn hóa chiều sâu”. - Kết luận: ba loại hình văn hóa: + “Văn hóa tự trị” (văn hóa thế tục hóa), + “Văn hóa tha trị” (Văn hóa bị giáo quyền hoặc ý thức hệ chi phối), + “Văn hóa thần trị” (Văn hóa bản chất tôn giáo).	- Đấng Christ đối nghịch văn hóa (Christ against Culture). - Đấng Christ của văn hóa (Christ of Culture). - Đấng Christ trên văn hóa (Christ above Culture). - Đấng Christ tương phản với văn hóa (Christ and Culture in paradox). - Đấng Christ biến đổi văn hóa (Christ as transformator of Culture).	- Trên cơ sở tiếp thu lý thuyết Tam tự lập của Tin lành Trung Quốc, Lê Hoàng Phu bổ sung thêm hai nguyên tắc tự dưỡng (self-nurture) và tự diễn (self-expression), làm rõ hơn vai trò “bản địa hóa Tin lành” (Lịch sử Hội thánh Tin lành Việt Nam, 1911-1965, Luận án Tiến sĩ, 1972, tiếng Anh). - Đề cao châm ngôn: “Một niềm tin nhiều ngôn ngữ văn hóa” và rất sớm đưa ra khẩu hiệu “hội nhập Tin lành vào văn hóa bản địa”. - Phát triển ý tưởng của Lê Hoàng Phu, Ms. Lê Văn Thiện (Phúc âm và Văn hóa, 2010): Tin lành Việt Nam khi hội nhập văn hóa phải giải quyết “bản chất kép” (truyền thống văn hóa dân tộc và “văn hóa mácxít”, tr. 297).

Khi so sánh họ, chúng tôi cũng không quên rằng, trong nỗ lực đi tìm con đường “hội nhập văn hóa” dân tộc, các nhà thần học Tin lành vẫn giữ được *căn tính Kitô giáo*, và có nhiều suy nghĩ mới. Một trong những suy nghĩ như vậy là lý thuyết về *Nguyên tắc Bối cảnh hóa* (Contextualization). Trong lý thuyết đó các nhà thần học Tin lành muốn “hòa giải văn hóa bản địa” bằng cách tiếp tục thúc đẩy kinh nghiệm dịch Kinh Thánh ra tiếng bản địa; truyền giảng Phúc Âm theo “nhịp cầu văn hóa bản địa”; khắc phục những xung đột văn hóa⁽¹⁵⁾.

Nghiên cứu về Tin lành và văn hóa Đông Á gần đây ngày một phong phú hơn. Người nghiên cứu tiếp cận từ nhiều phía. Đối thoại văn hóa, thần học ngày hôm nay cũng là vấn đề quan trọng. Ninian Smart, nhà nghiên cứu tôn giáo nổi tiếng của Mỹ, đã từng nhận định rằng, về cơ bản hầu hết các tôn giáo hay các truyền thống tín ngưỡng Á Châu là những lối sống chứ không phải như Kitô giáo và trọng ý nghĩa ấy các tôn giáo đó không thể tách biệt được khỏi văn hóa⁽¹⁶⁾.

Dù sao thì, với Công giáo, theo chúng tôi, những vấn đề thần học vẫn là cơ bản để

tạo nên những chuyển biến nhận thức trong việc tiếp tục “hội nhập văn hóa” của Tin lành ở Á Châu. Có lẽ trong tinh thần như vậy, chúng tôi đưa ra các nhận định sau:

1. Tin lành Đông Bắc Á, nhất là Tin lành Việt Nam, cần phải xác định việc giải quyết những di sản xung đột văn hóa bản địa trong quá khứ truyền giáo, cũng như những vấn đề truyền giáo và đời sống đạo hôm nay như một trong những đòi hỏi cấp bách.

2. Về kịch bản giải quyết xung đột, chúng tôi tán thành những suy nghĩ có tính chiến lược của Ms. Lê Hoàng Phu và những ý kiến “bổ sung” của Ms. Lê Văn Thiện. Theo đó, chúng ta có thể tìm thấy một phác thảo kịch bản cho sự hòa giải với văn hóa bản địa của Tin lành.

⁽¹⁵⁾ Xem: Reginald U. Reimer, *Bối cảnh hóa: Vài nét về lịch sử và nguyên tắc*, Nguyên bản tiếng Anh, Tọa đàm bàn tròn Tin lành lần thứ III *Đạo Tin lành và văn hóa Việt Nam*, do Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hội Việt - Mỹ, Viện Liên kết Toàn cầu (Hoa Kỳ) tổ chức tại Hà Nội, 28 tháng 11 năm 2012.

⁽¹⁶⁾ Dẫn lại trong Petet C. Phan, *Đa dạng văn hóa và đa nguyên tôn giáo – sứ mạng của Giáo hội tại Á Châu*.

